

KẾ HOẠCH

Phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở đến năm 2023

Thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ chính trị về “Đổi mới tổ chức và hoạt động Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới” của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khoá XII, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn xây dựng Kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở (CĐCS) từ nay đến hết năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

1.1. Tăng cường thu hút người lao động vào Công đoàn, mở rộng độ bao phủ CĐCS trong các cơ quan, đơn vị và các loại hình doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước.

1.2. Tạo bước đột phá thành lập CĐCS và tập trung đẩy nhanh tiến độ phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, phấn đấu đến hết năm 2023 có 12 triệu đoàn viên và phấn đấu 100% số doanh nghiệp có từ 25 lao động trở lên đã đi vào hoạt động có tổ chức công đoàn theo tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ chính trị.

2. Yêu cầu

- Phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS phải đi đôi với củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS trong đó tập trung đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của CĐCS, nâng cao chất lượng thương lượng tập thể, đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện tốt công tác đoàn viên.

- Các cấp công đoàn ưu tiên thực hiện nhiệm vụ phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; phải có kế hoạch, chỉ tiêu và biện pháp triển khai thực hiện cụ thể hàng năm, hàng quý, hàng tháng phù hợp với điều kiện thực tế tình hình dịch bệnh Covid -19; phân công rõ trách nhiệm của từng cấp, từng cá nhân; có đánh giá tình hình thực hiện hàng năm, có hình thức động viên, khen thưởng kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

- Xác định nhiệm vụ phát triển đoàn viên là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2021 đến 2023 và những năm tiếp theo.

II. NỘI DUNG

1. Chỉ tiêu

1.1. Về phát triển đoàn viên: Phần đầu đến hết năm 2023, cả nước **tăng thêm 1.600.000** đoàn viên (có bảng giao chỉ tiêu kèm theo).

1.2. Về thành lập CĐCS: Phần đầu thành lập công đoàn cơ sở ở **100%** số doanh nghiệp có từ 25 lao động trở lên đã đi vào hoạt động.

Đối với các đơn vị lớn có sự tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp, việc đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu căn cứ vào tình hình phát triển thực tế của doanh nghiệp tại địa phương để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

2. Các giải pháp chủ yếu

2.1. Tập trung tuyên truyền phát triển đoàn viên

- Đẩy mạnh phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, tập trung nguồn lực rà soát, xây dựng phương án phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS ở những cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn; trong đó đặc biệt chú trọng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô lớn, đã đi vào hoạt động nhiều năm nhưng chưa thành lập CĐCS. Lấy địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao và những nơi có nhiều doanh nghiệp làm trọng điểm chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

- Đối với nơi đã thành lập CĐCS, các công đoàn cấp trên tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp tài liệu CĐCS tuyên truyền, vận động người lao động gia nhập Công đoàn, phấn đấu tăng tỷ lệ đoàn viên trên tổng số công nhân lao động ở doanh nghiệp.

- Tiếp tục đổi mới và đa dạng hóa phương thức vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đoàn viên để tạo sức thu hút người lao động tham gia các hoạt động công đoàn và tự nguyện gia nhập Công đoàn.

- Nghiên cứu, biên soạn tài liệu, ấn phẩm tuyên truyền phát triển đoàn viên phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền vận động.

2.2. Tăng cường công tác chỉ đạo trong toàn hệ thống

- Thành lập các Ban Chỉ đạo từ cấp Tổng Liên đoàn đến các cấp công đoàn trong toàn hệ thống (từ cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên), trong đó đồng chí chủ tịch là trưởng ban chỉ đạo. Ban chỉ đạo từng cấp cần xây dựng kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên ban chỉ đạo, các tổ chức có liên quan.

- Công đoàn các cấp chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng đồng cấp trong công tác phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước; nâng cao hiệu quả Đảng lãnh đạo tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp; quan tâm thành lập tổ chức công đoàn để

tạo tiền đề thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội khác; tham mưu phối hợp trên tinh thần Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 của Bộ chính trị.

- Nghiên cứu, đề xuất việc phối hợp với Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bảo hiểm xã hội Việt Nam về kết nối, chia sẻ thông tin doanh nghiệp, người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

2.3. Tăng cường đầu tư nguồn lực cho công tác phát triển đoàn viên

- Bố trí đội ngũ cán bộ công đoàn chuyên trách ở công đoàn cấp tỉnh, thành phố, ngành TW và tương đương, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hỗ trợ kỹ thuật cho công đoàn cấp dưới triển khai thực hiện kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Hoàn thiện mô hình trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động, xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên và các hình thức phù hợp khác để tăng cường nguồn nhân lực có chất lượng cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

- Tập trung bồi dưỡng tập huấn về nội dung, phương pháp, kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS cho đội ngũ cán bộ công đoàn, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên ở các cấp công đoàn, trong đó tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Tăng cường đầu tư nguồn lực về tài chính cho công tác phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS, trong đó cần có giải pháp cụ thể về tài chính đảm bảo đủ kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên và thành lập CĐCS. Có chính sách bồi dưỡng, hỗ trợ, khuyến khích đối với đội ngũ cán bộ công đoàn, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. Nghiên cứu các hình thức động viên khen thưởng phù hợp để kịp thời động viên các tập thể cá nhân tích cực thực hiện công tác phát triển đoàn viên. Khuyến khích các đơn vị có nguồn tài chính công đoàn đảm bảo tự trang trải có hình thức phù hợp khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch phát triển đoàn viên.

- Ban hành Quy định định mức chi cho công tác phát triển đoàn viên.

2.4. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của CĐCS

Các cấp công đoàn xác định những nhiệm vụ trọng tâm để ưu tiên thực hiện, đồng thời hướng dẫn cấp CĐCS từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của CĐCS, trước mắt tập trung đổi mới một số nội dung nhiệm vụ như sau:

- Tập trung triển khai các hoạt động bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giảm bớt những hoạt động không có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động. Đổi mới cả về nội dung và hình thức các hoạt động phong trào theo hướng có thu hút sự tham gia của số đông đoàn viên và người lao động.

- Nâng cao chất lượng công tác đoàn viên, trong đó tập trung cập nhật, rà soát thông tin đoàn viên, đổi thẻ đoàn viên thông qua phần mềm quản lý đoàn viên; Nhanh chóng xây dựng App đoàn viên để tăng cường kênh thông tin trực tiếp đến đoàn viên đồng thời với việc triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên.

- Rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức của CĐCS theo hướng tinh gọn, những CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận không phát huy hiệu quả thì chủ động sắp xếp lại theo cơ cấu tổ chức CĐCS trực tiếp chỉ đạo đến tổ công đoàn, đồng thời tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công đoàn.

- Xây dựng cơ chế thông tin hai chiều giữa đoàn viên và ban chấp hành CĐCS thông qua đội ngũ cán bộ công đoàn từ tổ công đoàn trở lên và đội ngũ đoàn viên nòng cốt để nắm được nhiều nhất tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, truyền đạt được nhiều nhất, nhanh nhất các mặt công tác công đoàn đến đoàn viên.

- Hàng năm có kế hoạch tập huấn đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở, trong đó chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của CĐCS và tổ trưởng công đoàn.

- Đổi mới cách thức xây dựng, thương lượng thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT), huy động sự tham gia tích cực, thực chất của người lao động trong quá trình xây dựng nội dung, thương lượng và thực hiện TULĐTT.

- Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa ban chấp hành công đoàn cơ sở với người sử dụng lao động để kịp thời giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động tại nơi làm việc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng Liên đoàn chỉ đạo và thực hiện thành lập các ban chỉ đạo từ cấp Tổng Liên đoàn đến các cấp công đoàn trong toàn hệ thống (từ cấp trên trực tiếp cơ sở trở lên) trong đó, đồng chí chủ tịch là trưởng ban chỉ đạo của cấp đó. Ban chỉ đạo từng cấp cần xây dựng kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên ban chỉ đạo, các tổ chức có liên quan (đặc biệt là các trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động).

2. Đối với các ban của Tổng Liên đoàn

2.1. *Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn*: Là cơ quan thường trực tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch.

a) Theo dõi, đôn đốc, cập nhật số liệu phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS định kỳ 6 tháng, cả năm, cả nhiệm kỳ, báo cáo Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

b) Chủ trì tham mưu cho Thường trực Đoàn Chủ tịch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, nắm tình hình, hỗ trợ kỹ thuật các LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành Trung ương và tương đương khi có yêu cầu.

c) Nghiên cứu quy trình PTĐV, thành lập CĐCS theo hướng linh hoạt, chủ động, kịp thời...; nghiên cứu triển khai các phương thức, mô hình tập hợp đào tạo người lao động thích ứng với tình hình mới. Nghiên cứu, biên soạn tài liệu tuyên truyền phát triển đoàn viên và các tài liệu khác có liên quan cấp, phát tới các LĐLĐ tỉnh, thành phố.

d) Chủ trì phối hợp với các Ban của Tổng Liên đoàn xây dựng chương trình, tổ chức thực hiện việc tập huấn, bồi dưỡng về công tác phát triển đoàn viên đối với cán bộ công đoàn các cấp.

đ) Nghiên cứu, đề xuất chương trình phối hợp với Bộ Công an và Bộ Thông tin - Truyền thông về phần mềm quản lý đoàn viên, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

e. Triển khai thực hiện chỉ đạo của Thường trực Đoàn Chủ tịch khi có yêu cầu.

2.2. Ban Quan hệ lao động Tổng Liên đoàn

a) Tư vấn pháp luật về quyền công đoàn, quyền thành lập tổ chức, trách nhiệm của người sử dụng lao động. Hoàn thiện mô hình và hướng dẫn hoạt động của các trung tâm tư vấn và hỗ trợ người lao động đảm bảo hiệu quả, sát với nhu cầu của đoàn viên và người lao động.

b) Nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn CĐCS khu vực doanh nghiệp mới thành lập về nội dung, cách thức xây dựng, thương lượng, ký kết và thực hiện TULĐTT; Tài liệu hướng dẫn về xây dựng quy chế dân chủ cơ sở và đối thoại xã hội tại nơi làm việc để hỗ trợ CĐCS thực hiện được nhiệm vụ cốt lõi của tổ chức công đoàn ngay sau khi được thành lập.

c) Nắm tình hình thành lập tổ chức của người lao động và theo dõi, tổng hợp tình hình quan hệ lao động báo cáo Đoàn Chủ tịch, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn theo yêu cầu.

2.3 Ban Chính sách - Pháp luật Tổng Liên đoàn

Hướng dẫn hình thức tư vấn pháp luật (miễn phí) với người lao động và đoàn viên công đoàn; trong đó quan tâm tư vấn cho người lao động về quyền công đoàn; quyền, lợi ích của người lao động khi tham gia tổ chức công đoàn...

2.4. Ban Tài chính Tổng Liên đoàn

a) Chủ trì nghiên cứu, tham mưu xây dựng quy định cụ thể về nội dung, định mức chi cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ công đoàn, cộng tác viên, tình nguyện viên và các cấp công đoàn tích cực triển khai thực hiện công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở.

b) Trên cơ sở quy định, hướng dẫn các cấp công đoàn dự toán, hạch toán, quyết toán kinh phí thực hiện.

2.5. Ban Đối ngoại Tổng Liên đoàn

a) Phối hợp với Ban Tổ chức Tổng Liên đoàn nghiên cứu, tổng hợp những kinh nghiệm quốc tế về phát triển đoàn viên phù hợp với điều kiện Việt Nam để bổ sung nội dung tập huấn, bồi dưỡng đối với cán bộ công đoàn các cấp về công tác phát triển đoàn viên.

b) Tranh thủ sự hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế để tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ công đoàn các cấp về kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở và hoạt động công đoàn trong nền kinh tế thị trường.

2.6. Văn phòng Tổng Liên đoàn

Chủ trì phối hợp với các bộ phận có liên quan của các ban xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện để khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc thực hiện Kế hoạch phát triển đoàn viên hàng năm và cả giai đoạn.

2.7. Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn tổ chức, hướng dẫn các cấp công đoàn các hoạt động kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Tổng Liên đoàn gắn với việc kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung trong Kế hoạch về tỷ lệ chi kinh phí công đoàn, định mức chi; Chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra phối hợp với Ban Tổ chức TLĐ trong việc theo dõi, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Kiểm tra công đoàn các cấp, nhằm phát hiện, chấn chỉnh kịp thời những dấu hiệu sai phạm, yếu kém, nâng cao hiệu quả đại diện, bảo vệ quyền lợi người lao động, thu hút đông đảo người lao động gia nhập tổ chức công đoàn.

2.8. Ban Tuyên giáo Tổng Liên đoàn

Hướng dẫn các cấp công đoàn đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí, truyền thông trong và ngoài hệ thống công đoàn ở cấp trung ương và địa phương tuyên truyền các mô hình, cách làm tiêu biểu...

3. Đối với LĐLĐ tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương và tương đương, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn

- Căn cứ Kế hoạch, chỉ tiêu giao của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu (theo từng năm) và thành lập ban chỉ đạo của cấp mình, trong đó đồng chí chủ tịch là trưởng ban chỉ đạo và phân công cụ thể đối với các cá nhân, tổ chức trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đổi mới, đa dạng hoá phương thức phát triển đoàn viên theo hướng có sự tham gia tích cực của người lao động vào quá trình vận động thành lập CĐCS. Hướng dẫn CĐCS đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; nâng cao vai trò, trách nhiệm của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở trong việc đại diện cho người lao động ở những nơi chưa có tổ chức công đoàn.

- Tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, phối hợp sự hỗ trợ của chính quyền các cấp cho công tác vận động phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS.

- Ưu tiên bố trí cán bộ có năng lực, kinh nghiệm cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở nơi có nhiều khu công nghiệp, tập trung đông công nhân lao động, để đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS và hướng dẫn CĐCS hoạt động. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác phát triển đoàn viên và có chính sách bồi dưỡng, hỗ trợ, khuyến khích đối với đội ngũ cán bộ công đoàn, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác phát triển đoàn viên ở các cấp công đoàn.

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS cho đội ngũ cán bộ công đoàn, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên làm công tác phát triển đoàn viên.

- Tập trung chỉ đạo và ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS, trong đó chú trọng đầu tư cho công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi có nhiều doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa thành lập CĐCS.

- Thực hiện thống kê, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo ban chấp hành cùng cấp và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

4. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

- Căn cứ Kế hoạch, chỉ tiêu giao của công đoàn cấp tỉnh, thành phố, công đoàn ngành trung ương, xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu (theo từng năm) và thành lập ban chỉ đạo của cấp mình, trong đó đồng chí chủ tịch là trưởng ban chỉ đạo và phân công cụ thể đối với các cá nhân, tập thể trong triển khai thực hiện Kế hoạch của TLĐ và của công đoàn cấp trên.

- Thực hiện khảo sát, nắm chắc tình hình doanh nghiệp, công nhân lao động trên địa bàn và theo ngành, nghề; xây dựng kế hoạch phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS theo chỉ tiêu được công đoàn cấp trên giao. Trong đó trước mắt tập trung rà soát, nắm chắc tình hình biến động đoàn viên, người lao động của các CĐCS, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

- Xây dựng nội dung, hình thức hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ cho CĐCS, người lao động có liên quan đến thành lập CĐCS, gia nhập Công đoàn Việt Nam theo cách tiếp cận từ dưới lên trên nhằm giảm bớt sự can thiệp và phụ thuộc từ phía người sử dụng lao động, gắn phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS với thương lượng tập thể; thẩm định, công nhận việc gia nhập công đoàn của người lao động và công nhận việc thành lập CĐCS theo quy định của Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam; Hướng dẫn, hỗ trợ CĐCS đổi mới nội dung, phương thức hoạt động công đoàn.

- Xây dựng dự toán kinh phí cho công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS; xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phát triển đoàn viên cho cán bộ CĐCS.

- Hướng dẫn, hỗ trợ CĐCS thực hiện tốt công tác đoàn viên bao gồm quản lý đoàn viên, nâng cao chất lượng đoàn viên và chăm lo lợi ích cho đoàn viên.

- Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển đoàn viên báo cáo ban chấp hành cùng cấp và công đoàn cấp trên.

5. Đối với công đoàn cơ sở:

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền vận động người lao động chưa là đoàn viên tự nguyện tham gia tổ chức Công đoàn, nâng cao tỷ lệ đoàn viên viên trên tổng số công nhân lao động ở doanh nghiệp.

- Chủ động, tích cực đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của CĐCS theo mục II.2.4 của Kế hoạch này.

Kế hoạch này được phổ biến đến công đoàn cơ sở. 

Nơi nhận:

- Thường trực ĐCT (BC);
- Các LĐLĐ tỉnh, thành phố;
- Các CĐN TW và tương đương;
- Các CĐ tổng Cty trực thuộc TLĐ;
- Lưu ToC, VT. 

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH** 



Nguyễn Đình Khang

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

BAN TỔ CHỨC TLD

BẢNG GIAO CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

(Kèm theo Kế hoạch số 135/KH-TLD ngày 24/9/2021 của Tổng Liên đoàn)

TT	Đơn vị	Giai đoạn từ năm 2021 đến 2023					
		Số đoàn viên đến tháng 12/2020	Số CNLĐ chưa là ĐV đến tháng 6/2021	Số đoàn viên tăng thêm 6 tháng đầu năm 2021	Số ĐV 6 tháng cuối năm 2021 (bằng 20% số CNLĐ chưa là đoàn viên)	Số đoàn viên giao tăng thêm Giai đoạn 2021-2023	Số đoàn viên đến tháng 12/2023
I/	LĐLĐ TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TLD						
1	An Giang	98.149	6.080	1.258	1.216	11.300	109.449
2	Bà Rịa-Vũng Tàu	133.987	8.759	941	1.752	11.700	145.687
3	Bạc Liêu	28.671	4.119	412	824	5.600	34.271
4	Bắc Kạn	18.316	2.761	(65)	552	2.400	20.716
5	Bắc Giang	212.372	34.234	2.420	6.847	43.500	255.872
6	Bắc Ninh	199.415	41.652	3.545	8.330	55.300	254.715
7	Bến Tre	84.013	8.153	(1.689)	1.631	7.400	91.413
8	Bình Dương	801.119	210.857	10.224	42.171	220.000	1.021.119
9	Bình Định	78.283	14.471	1.189	2.894	19.280	97.563
10	Bình Phước	96.866	6.878	5.810	1.376	32.300	129.166
11	Bình Thuận	74.497	5.986	901	1.197	9.200	83.697
12	Cà Mau	51.128	2.319	(952)	464	2.400	53.528
13	Cao Bằng	27.898	295	(277)	59	550	28.448
14	Cần Thơ	76.570	5.783	1.420	1.157	11.700	88.270
15	Đà Nẵng	117.827	10.667	(175)	2.133	8.800	126.627
16	Đắk Lắk	74.571	3.837	116	767	4.300	78.871
17	Đắk Nông	23.337	1.247	33	249	1.400	24.737
18	Đồng Nai	674.250	30.975	10.405	6.195	71.500	745.750
19	Đồng Tháp	73.079	7.616	1.188	1.523	12.700	85.779
20	Điện Biên	31.425	2.240	(99)	448	1.850	33.275
21	Gia Lai	53.894	1.218	(785)	244	1.350	55.244
22	Hà Giang	37.548	7.976	(524)	1.595	4.500	42.048
23	Hà Nam	95.944	9.825	33	1.965	9.400	105.344
24	Hà Nội	609.274	84.321	6.012	16.864	86.100	695.374
25	Hà Tĩnh	70.643	8.848	707	1.770	11.800	82.443
26	Hải Dương	201.553	62.220	(5.062)	12.444	32.200	233.753

TT	Đơn vị	Giai đoạn từ năm 2021 đến 2023					
		Số đoàn viên đến tháng 12/2020	Số CNLĐ chưa là ĐV đến tháng 6/2021	Số đoàn viên tăng thêm 6 tháng đầu năm 2021	Số ĐV 6 tháng cuối năm 2021 (bằng 20% số CNLĐ chưa là đoàn viên)	Số đoàn viên giao tăng thêm Giai đoạn 2021-2023	Số đoàn viên đến tháng 12/2023
27	Hải Phòng	283.840	22.193	9.802	4.439	66.900	350.740
28	Hoà Bình	60.733	27.339	(650)	5.468	22.200	82.933
29	TP Hồ Chí Minh	1.351.487	100.707	18.721	20.141	130.500	1.481.987
30	Hưng Yên	145.813	22.739	2.911	4.548	34.300	180.113
31	Hậu Giang	41.958	9.636	1.428	1.927	13.500	55.458
32	Khánh Hoà	83.635	12.981	(665)	2.596	6.900	90.535
33	Kiên Giang	67.248	4.720	494	944	6.700	73.948
34	Kon Tum	26.339	3.566	130	713	3.700	30.039
35	Lai Châu	23.587	116	(267)	23	470	24.057
36	Lạng Sơn	40.721	1.006	31	201	900	41.621
37	Lào Cai	41.408	12.452	(1.109)	2.490	6.100	47.508
38	Lâm Đồng	62.797	2.549	1.875	510	10.800	73.597
39	Long An	232.108	8.211	13.977	1.642	68.000	300.108
40	Nam Định	137.324	13.058	5.053	2.612	35.400	172.724
41	Nghệ An	151.112	13.699	5.620	2.740	39.300	190.412
42	Ninh Bình	98.112	7.709	2.230	1.542	17.700	115.812
43	Ninh Thuận	28.675	2.773	662	555	5.800	34.475
44	Phú Thọ	128.326	7.056	1.211	1.411	12.300	140.626
45	Phú Yên	41.468	8.954	166	1.791	8.800	50.268
46	Quảng Bình	50.107	1.905	(10)	381	1.350	51.457
47	Quảng Nam	120.714	15.070	2.858	3.014	23.500	144.214
48	Quảng Ngãi	71.228	17.924	6.022	3.585	41.700	112.928
49	Quảng Ninh	114.779	673	1.561	135	8.100	122.879
50	Quảng Trị	40.462	16.434	169	3.287	15.800	56.262
51	Sóc Trăng	56.929	2.055	945	411	6.000	62.929
52	Son La	50.090	1.784	(151)	357	800	50.890
53	Tây Ninh	173.985	18.077	5.765	3.615	43.000	216.985
54	Thái Bình	144.011	20.075	5.869	4.015	45.900	189.911
55	Thái Nguyên	155.553	8.270	(2.327)	1.654	7.700	163.253
56	Thanh Hoá	269.340	37.939	9.277	7.588	78.900	348.240
57	Thừa Thiên-Huế	77.673	7.297	(1.036)	1.459	1.900	79.573

TT	Đơn vị	Giai đoạn từ năm 2021 đến 2023					
		Số đoàn viên đến tháng 12/2020	Số CNLĐ chưa là ĐV đến tháng 6/2021	Số đoàn viên tăng thêm 6 tháng đầu năm 2021	Số ĐV 6 tháng cuối năm 2021 (bằng 20% số CNLĐ chưa là đoàn viên)	Số đoàn viên giao tăng thêm Giai đoạn 2021- 2023	Số đoàn viên đến tháng 12/2023
58	Tiền Giang	117.166	12.994	201	2.599	13.199	130.365
59	Trà Vinh	46.394	5.506	7.353	1.101	37.300	83.694
60	Tuyên Quang	39.924	1.372	1.738	274	9.400	49.324
61	Vĩnh Long	78.487	3.067	2.478	613	14.600	93.087
62	Vĩnh Phúc	141.719	7.866	2.364	1.573	18.100	159.819
63	Yên Bái	40.553	1.565	(479)	313	1.400	41.953
Cộng địa phương:		8.880.434	1.044.674	141.203	208.935	1.537.449	10.417.883
II/ CĐ NGÀNH TW, CĐ TỔNG CÔNG TY TRỰC THUỘC TLĐ							
1	Thông tin và TT	81.911	24.660	2.149	4.932	27.000	108.911
2	Cao Su	57.704	1.843	(2.528)	369	1.350	59.054
3	Công An	23.257		-			23.257
4	CNTT	9.269	343	(400)	69	420	9.689
5	Công Thương	146.258	7.298	(3.208)	1.460	5.300	151.558
6	Dầu khí	54.702	358	(221)	72	420	55.122
7	Dệt May	113.622	8.303	(3.340)	1.661	7.200	120.822
8	Điện lực	100.358	76	83	15	420	100.778
9	Đường sắt	25.343	366	35	73	420	25.763
10	Giao thông	57.081	1.406	(469)	281	850	57.931
11	Giáo dục	39.005	1.480	(14)	296	420	39.425
12	Hàng hải	23.318	1.284	(482)	257	800	24.118
13	Hàng không	21.966	530	(850)	106	420	22.386
14	Ngân hàng	165.001	10.224	1.976	2.045	13.100	178.101
15	NN và PTNT	55.198	2.901	(981)	580	2.200	57.398
16	Quốc phòng	175.850		-			175.850
17	Than-K. sản	97.397	393	236	79	1.350	98.747
18	Viên chức	83.387	1.858	276	372	2.180	85.567
19	Xây dựng	88.555	5.925	(1.896)	1.185	5.000	93.555
20	Y tế	50.069	826	(791)	165	420	50.489
Cộng ngành:		1.469.251	70.074	-10.425	14.015	69.270	1.538.521
TOÀN QUỐC:		10.349.685	1.114.748	130.778	222.950	1.606.719	11.956.404